

Bản án số 16/2024/DS-PT

Ngày 19 - 01 - 2024

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quang

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2023/TLPT-DS ngày 10/10/2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 242/2023/QĐ-PT ngày 05/12/2023 và Thông báo dời ngày xét xử số 210/2023/TB-TA ngày 26/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

Ông Phạm Tấn Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường N, tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số E đường N, tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Ông Phùng Nguyễn L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số B P, tổ H, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Trần Xuân H, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường N, tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Quang M, sinh năm 1964; địa chỉ: Số H N, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị P, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường N, tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P:

- Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số E đường N, tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Ông Phùng Nguyễn L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số B P, tổ H, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3.2. Bà Ngô Thị Thu C, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường N, tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. *Người kháng cáo:* Ông Phạm Tấn Đ, là nguyên đơn và ông Trần Xuân H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các bản khai và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Tấn Đ, bà Ngô Thị P là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 5.168,9m² đất thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 180 thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số BB 210917 do UBND huyện L, cấp ngày 05-5-2010.

Năm 2017, vợ chồng ông Đ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ Sỹ M1, bà Trần Thị Bích N, diện tích 1.000m² đất cây lâu năm, diện tích còn lại 4.028,3m². Sau đó giảm 140,6m² do mở đường theo đơn cam kết của ông Đ, bà P được UBND thị trấn L xác nhận ngày 15-11-2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động giảm ngày 17-11-2017.

Đến năm 2019, vợ chồng ông Đ tiếp tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 diện tích 2.000m², diện tích còn lại 2.028,3m², Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động giảm ngày 04-4-2019.

Do đất nằm trong khu quy hoạch nên vợ chồng ông Đ để đất trống không sử dụng, đến năm 2022 thì xin cấp đổi mới giấy chứng nhận sử dụng đất và tiến hành đo đạc lại thì phát hiện anh Trần Xuân H chủ sử dụng thửa đất liền kề đã tự ý xây nhà trên diện tích khoảng 450m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình. Vợ chồng ông Đ liên hệ yêu cầu vợ chồng anh H, chị Ngô Thị Thu C tháo dỡ công trình vật kiến trúc trên đất để trả lại quyền sử dụng đất, nhưng vợ chồng anh H không đồng ý nên làm đơn đề nghị ủy ban nhân dân thị trấn L giải quyết nhưng không thành.

Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc trên diện tích khoảng 450m² đất thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 180, thị trấn L, huyện L để trả lại đất.

Theo mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L đo vẽ, xác nhận ngày 31-5-2022, diện tích chồng lấn 434,5m². Tuy nhiên, theo Sơ đồ vị trí do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đo vẽ, xác nhận ngày 09-5-2023 và chỉnh lý ngày 27-6-2023, diện tích bị chồng lấn 446,9m².

Vì vậy, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H phải tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc trên đất và trả lại diện tích 446,9m² đất thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 180 theo sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đo vẽ, xác nhận ngày 09-5-2023 và chỉnh lý ngày 27-6-2023.

Ông Đ, bà P không có ý kiến gì về kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn và không có ý kiến gì về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

2. Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Tháng 4-2021, vợ chồng ông H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông S diện tích 667m² đất thuộc thửa số 301, tờ bản đồ số 180, thửa đất này nằm sát đất của vợ chồng ông Đ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động sang tên ngày 20-5-2021 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 883266 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23-8-2019.

Khi nhận chuyển nhượng trên đất đã có công trình, vật kiến trúc ổn định, sau đó vợ chồng ông H xây dựng hàng rào kiên cố (trước đó ông S chỉ làm hàng rào bằng kẽm gai phía sau nhà khoảng 70m).

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu phải dỡ toàn bộ vật kiến trúc trên diện tích khoảng 450m² thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 180 trả lại đất. Vợ chồng ông H không đồng ý vì khi nhận chuyển nhượng trên đất đã có nhà và

hàng rào sẵn trước đó, nhưng sự việc đã xảy ra việc tháo dỡ toàn bộ căn nhà sẽ gây ra thiệt rất lớn. Vì vậy, vợ chồng ông H mong muốn được thỏa thuận với gia đình ông Đ theo hướng, nhận chuyển nhượng lại phần đất khoảng 450m² thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 180 theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đưa ra.

Ông H, bà C không có ý kiến gì về kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn và không có ý kiến gì về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xác định yêu cầu vợ chồng ông H, bà C phải tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc trên đất và trả lại diện tích 446,9m² đất thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 180 theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đo vẽ, xác nhận ngày 09-5-2023 và chỉnh lý ngày 27-6-2023.

3. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tấn Đ về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với ông Trần Xuân H, bà Ngô Thị Thu C.

Buộc vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Ngô Thị Thu C phải hoàn trả cho cho vợ chồng ông Phạm Tấn Đ, bà Ngô Thị P 3.575.200.000 (ba tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm nghìn) đồng là giá trị quyền sử dụng diện tích 446,9m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 167 tờ bản đồ số 180 thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Ngô Thị Thu C được quyền sử dụng diện tích 446,9m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa số 167 tờ bản đồ số 180 thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vị trí, tứ cận theo Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/500 do Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường tỉnh B đo vẽ, xác nhận và chỉnh lý ngày 27-6-2023 (kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung kháng cáo:

Ngày 09/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Long Điền nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Tấn Đ có nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bị đơn ông Trần Xuân H, bà Ngô Thị Thu C phải tháo dỡ vật kiến trúc trên đất và trả lại diện tích 446,9 m² thuộc một phần thửa đất số 167, tờ bản đồ số 180, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 14/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Long Điền nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Xuân H có nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận chỉ buộc bị đơn thanh toán giá trị đất tranh chấp với giá 4.000.000 đồng/m².

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu hủy án để giải quyết lại nhằm xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 là người chuyển nhượng nhà đất cho bị đơn. Căn cứ vào kết quả thẩm định lại của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với phần đất tranh chấp và các phần đất khác của ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 ở liền kề với đất bị đơn hiện đã chuyển nhượng đất cho người khác thì thấy: các bên đang sử dụng trên thực tế không đúng với ranh cấp giấy (có một móng đá xây trên thửa 302 và 277; một phần móng đá xây trên thửa 167 của nguyên đơn và thửa 301 của bị đơn). Nguyên đơn thừa nhận ở cách đất tranh chấp 50m, khi vợ chồng ông Nguyễn Duy S xây nhà có biết và cho sử dụng nhờ điện. Do đó, việc đưa ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 và những người nhận chuyển nhượng các thửa đất khác liền kề với đất của bị đơn từ ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cần thiết để làm rõ trách nhiệm, quyền lợi của các bên khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: việc giao đất trên thực tế giữa nguyên đơn và ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 như thế nào; trách nhiệm của nguyên đơn và ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 trong việc xây nhà không đúng với ranh cấp giấy và ý kiến các chủ sử dụng đất liền kề.... Những nội dung này chưa được cấp sơ thẩm thu thập một cách đầy đủ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015 để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn – ông Phạm Tấn Đ và bị đơn – ông Trần Xuân H đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số

33/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các đương sự trong vụ án thì thấy:

[2.1] Xác định diện tích đất tranh chấp:

Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và Sơ đồ vị trí của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 27/6/2023 có căn cứ để xác định phần diện tích đất tranh chấp là thửa đất được ký hiệu: 167/1 diện tích 401,7 m²; có tọa độ (1,3,18,19,20,8,21,17,1) tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công trình, kiến trúc có trên đất tranh chấp do gia đình bị đơn đang quản lý, sử dụng bao gồm: tường xây gạch làm ranh giới, nhà ở cấp 4, nhà vệ sinh, nhà tắm.

[2.2] Xét việc công nhận quyền sử dụng đất diện tích 446,9 m² thuộc 01 phần thửa đất số 167 tờ bản đồ số 180, thị trấn L thể hiện trên Sơ đồ vị trí ngày 27/6/2023 cho gia đình ông Trần Xuân H thì thấy:

Căn cứ Sơ đồ vị trí của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 27/6/2023 theo sự chỉ ranh đất thực tế của gia đình ông H thì có căn cứ để xác định gia đình ông H đang trực tiếp sử dụng tổng diện tích đất 665,6 m² (bao gồm phần đất ký hiệu thửa 167/1 có diện tích 401,7 m²; thửa số 301 có diện tích 263,7 m² và thửa 302 có diện tích 0,2 m²) tọa độ (1,2,3,4,5,6,7,8,21,17,1); khuôn viên thửa đất có ranh giới rõ ràng được xác lập bằng tường gạch xây hiện hữu theo Sơ đồ vị trí của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 27/6/2023.

Riêng thửa đất ký hiệu phần diện tích đất 167/2 có diện tích 22,6 m² thể hiện trên sơ đồ vị trí ngày 27/6/2023 thì nằm ngoài ranh giới phần diện tích đất mà gia đình ông H đang trực tiếp sử dụng. Điều này đã được, ông H xác định tại phiên tòa *“Diện tích đất diện tích 22,6 m² thì khi nhận chuyển nhượng không được ông S bàn giao và gia đình ông cũng không sử dụng phần diện tích đất này”*.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử diện tích đất tranh chấp là 446,9 m² thuộc 01 phần thửa đất số 167 tờ bản đồ số 180, thị trấn L là không thể hiện đúng với diện tích thể hiện trên Sơ đồ vị trí ngày 27/6/2023 và không đúng với diện tích đất mà các bên đang tranh chấp. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phần diện tích đất ký hiệu 167/2 có diện tích 22,6 m² thể hiện trên sơ đồ vị trí ngày 27/6/2023 cho vợ chồng ông H và buộc vợ chồng ông H thanh toán giá trị đất cho ông Đ, nhưng không đưa người đang quản lý phần diện tích đất diện tích 22,6 m² tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do đó, trường hợp bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật thì không có cơ sở giao đủ diện tích 446,9 m² thuộc 01 phần thửa đất số 167 tờ bản đồ số 180, thị trấn L cho vợ chồng ông H, dẫn đến không đảm bảo cho việc thi hành được bản án.

Mặt khác, căn cứ vào kết quả thẩm định lại của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với phần đất tranh chấp và các phần đất khác của ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 ở liền kề với đất bị đơn hiện đã chuyển nhượng đất cho người khác thì thấy: các bên đang sử dụng trên thực tế không đúng với ranh cấp giấy (có một móng đá xây trên thửa 302 và 277; một phần móng đá xây trên thửa 167 của nguyên đơn và thửa 301 của bị đơn). Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác nhận biết rõ phía ông S xây nhà và gia đình nguyên đơn cho sử dụng nhờ điện. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 và những người nhận chuyển nhượng các thửa đất khác liền kề với đất của bị đơn từ ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ trách nhiệm, quyền lợi của các bên khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: việc giao đất trên thực tế giữa nguyên đơn và ông Nguyễn Duy S, bà Trần Thị N1 như thế nào; trách nhiệm của nguyên đơn và của gia đình ông S, bà N1 trong việc xây nhà không đúng với ranh cấp giấy là không đủ cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Tấn Đ, của bị đơn ông Trần Xuân H hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bản án bị hủy do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên ông Phạm Tấn Đ, ông Trần Xuân H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Long Điền để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Tấn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trần Xuân H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

theo Biên lai thu số 0001965 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Điền.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/01/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Long Điền;
- THA DS huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long